

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ - ST

Ngày 12-8-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hanh.

2. Bà Kiều Thị Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn NT, xã DT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Lê Đức Đ, sinh năm 1988. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã HD, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 10 tháng 12 năm 2021, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Lê Đức Đ đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 7 năm 2014. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HD, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và chung sống với gia đình anh Đ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ luôn chơi bời, lơ đãng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thậm chí anh Đ còn đánh đập chị nên chị và các con đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ tháng 01 năm 2018 và vợ

chồng ly thân từ đó cho đến nay, không có dàn xếp gì. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Lê Quỳnh N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2015 và cháu Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2017. Hiện hai cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay, khoản nợ, công sức và đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Đức Đ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập của Tòa án, được Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, anh Lê Đức Đ đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Đ cũng như việc tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật. Anh Đ không có yêu cầu phản tố cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án tiếp tục xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục chung đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L, cho chị L được ly hôn anh Lê Đức Đ. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Quỳnh N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2015 và cháu Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện TD giải quyết tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung với anh Lê Đức Đ có địa chỉ tại Thôn H, xã HD, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Đức Đ đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc thuộc trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai về việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Lê Đức Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[4] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đức Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương cung cấp nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ chơi bời, không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến tháng 01 năm 2018 chị L và các con đã về gia đình bố mẹ đẻ chị ở. Vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay, không có dàn xếp gì. Trong thời gian ly thân, cả hai bên đều không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị L lập xin ly hôn anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị L và anh Đ có 02 con chung là cháu Lê Quỳnh N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2015 và cháu Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2017. Hiện cả hai cháu đang ở với chị L. Xét thấy cháu T còn nhỏ, nguyện vọng của cháu N muốn ở với chị L. Mặt khác, anh Đ vắng mặt nên không rõ quan điểm của anh Đ như thế nào. Vì vậy cần giao cả hai cháu cho chị L được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay, khoản nợ, công sức và đất canh tác: Anh Lê Đức Đ vắng mặt, Tòa án không lấy được lời khai của anh Đ nên không xác định được anh Đ, chị L có tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay, khoản nợ, đất canh tác hay không và quan điểm của anh Đ như thế nào nên cần tách ra khi nào đương sự có yêu cầu thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đức Đ.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Lê Quỳnh N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2015 và cháu Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2017 cho chị Lập được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: 0002911 ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tam Dương. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- UBND xã HD;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Tiến Dũng

